

DANH SÁCH CỬ TỬ - NHÂN CHÍNH - TRỊ CÔNG - SẢN VIỆT - NAM TẠI SECTION "O"
PANAT NIKHOM, CHONBURI 20140 THAILAND (Danh sách B3^o lúc 67 người)

STT	Họ và Tên Số quân cấp Bậc	Năm Sinh	Họ Tên Cha - Năm Sinh Họ Tên MẸ - Năm Sinh	Tên của những người cùng đi và năm sinh	Liên Hệ Gia Đình	Ngày đến THAILAND	Địa - Chi ²
1	CHU - MANH - BÍCH Sq: 65/600.673 Đại - úy	1945	Chu minh KÍNH - 1946 (chết) Đinh thị NGUYỆT (chết)	Phan Thị Ngọc OANH - 1943 Chu minh Phương THẢO - 1971 Chu minh ĐỨC - 1972 Chu minh Quỳnh CHI - 1973	Vợ con con con	27.3.1989	BT. 8296, House 3 C 37, P.O.Box 18, Panat Nikhom, Chonburi 20.140 - THAILAND. SECTION "O"
2	LÃNG - TÂN - HUỆ Sq: 63/139.982 Đại - úy	1943	Lãng thị NGUYỆT - 1917 (chết) Xe thị ĐIỂM - 1918 (chết)	-	-	2.4.1989	BT. 3161, House 3 C 20
3	ĐOÀN - ĐÌNH - Y Sq: 59/164877 Đại - úy	1939	Đoàn đình ĐỀ - 1902 (chết) Sao Mưỡn - 1910 (chết)	-	-	6.4.1989	BT. 3520, House 3 C 1
4	NGUYỄN - VĂN - CHIẾN Sq: 66/167848 Đại - úy	1946	Nguyễn văn CHẤT - 1911 (sống) Trần thị CHĂNG - 1923 (sống)	Huỳnh thị VIỆN - 1959 Ng. Thị Thanh. CHI - 1983 Ng. Thị Thanh - VY - 1987 Ng. Thị Thanh - LAN - 1990	Vợ con con con	18/3/1989	BT. 3099, House 3 C 12
5	BUI - CẢNH - KIÊM Sq: 60A/139.033 Đại - úy	1940	Bui Hữu Loan - 1908 (chết) Nguyễn thị TRÚC - 1905 (sống)	Bui cảnh PHONG - 1969 Lữm ngọc BÌNH - 1966	Cháu Rứt Cháu Rứt	19/4/1989	BT. 3725, House 3 C 10 BT. 3726. (Cháu ruột nhưng (Chai' Form.)
6	LÊ - TÂN - HỒN Sq: 63/124.379 Trung - úy	1943	Lê Tân Hậu - 1909 (chết) Đặng thị KIỀU - 1911 (sống)	-	-	17.3.1989	BT. 3384, House 3 C 30
7	HÀ - VĂN - DƯƠNG Sq: 67/805.694 Trung - úy	1947	Hà văn BÊN - 1910 (chết) Hà thị Lớn - 1922 (chết)	-	-	17.4.1989	BT. 3553, House 3 C 30
8	ĐẶNG - VŨ - GIANG Sq: 64/601.736 Trung - úy	1944	Đặng vũ Uý (chết) Đào thị BẮC - 1923 (sống)	Đặng vũ LINH - 1974	con	18.3.1989	BT. 3090, House 3 C 10
9	NGUYỄN - PHƯỚC - THẢO ĐC: 73457 Trung - úy Cảnh Sát	1938	Nguyễn văn GIÁC - 1890 (chết) Nguyễn thị ĐÀO - 1896 (chết)	-	-	19.4.1989	BT. 3700, House 3 C 24
10	Văn Văn ĐĂNG Số ngạch Cảnh Sát: 3131 Trung - úy Cảnh Sát BCH/CS/KH/CNTH8	1923	Văn Thủa TẤT - 1890 (chết) Nguyễn thị SỬU - 1902 (chết)	Văn thị Thủy NGA - 1959 Ng. Văn - MINH - 1960 Ng. Xuân - THIÊN - 1987	Con gái con rể cháu	19.5.1989 -	BT. 3695, House 3 C 16 BT. 3646. (Cháu con nhưng (Chai' Form).

STT	Họ và Tên Số, quan cấp bậc	Năm sinh	Họ tên cha và năm sinh Họ tên Mẹ và năm sinh	Tên của người cùng đi và năm sinh	Liên hệ Gia đình	Ngày đến Thái Lan	Địa chỉ
11	ĐỖ - VĂN - HIỆP sq= 70/124. 708 Trung úy	1950	Đỗ Văn Nhân - 1919 (sống) Đỗ Thị Nhân - 1922 (sống)	Nguyễn Thị Bích Lan - 1956 Đỗ anh MINH - 1975 Đỗ Minh HOÀNG - 1979 Đỗ Long GIANG - 1981 Đỗ Thị Bích LÂN - 1983 Đỗ Tuấn Dũng - 1985 Đỗ Hoàng Thái - 1990	Vợ con con con con con con	28-3-1989	BT. 3262, House 3C18
12	VŨ - TRÍ - THỨC chuyên viên nghiên cứu chứng trình Phát Triển Quốc Gia Thuộc Trà Đại Sứ Hoa Kỳ ở VN (NDRP)	1926	Vũ Thành NINH - 1899 (chết) Nguyễn Thị ẤP - 1899 (chết)	Vũ Trí Tiên - 1959 Vũ Thăng Cường - 1949 Vũ Thế Mạnh - 1951 Vũ Thăng Đức - 1975	con con con cháu nội	28.3.1989 Thang 12.1089	BT. 3265, House 3C22 BT. 50.228. (Khái BT.)
13	ĐỖ - NGỌC - TOÀN sq= 69/502 9HO Chiều úy	1949	Đỗ Đình Cảnh - 1914 (chết) Nguyễn Thị Diên - 1917 (sống)	—	—	14-4-1989	BT. 3467, House 3C32
14	NGUYỄN - BÌNH - MINH 75/214. 831 chuyên úy	1955	Nguyễn Loát - 1923 Dương Thị GAY - 1926	Vũ. Thị Bảo HẠ - 1962	Vợ	9-4-1989	BT. 3257, House 3C16
15	LÊ - VĂN - VẠN sq= 58/148. 816 Trung úy	1938	Lê Văn THẾ - 1914 (sống) Nguyễn Thị Ngàn - 1916 (chết)	Lê Khắc Ngọc TRÁC - 1971	con	19-4-1989	BT. 3728, House 3C9
16	TRẦN - QUANG - TUYẾN sq= 68/141 211 Chiều úy	1948	Trần Inh - 1920 (chết) Phạm Thị Nhũn - 1928 (sống)	—	—	14-4-1989	BT. 3465, House 3C32

Đã được kiểm tra và xác định là người đi
tên đã nêu và người đi
gã họ anh em họ Trần
Isabel Sarah

16 anh em họ Trần đều đã được thông báo và chuyển qua khu "O"
ngược trái cửa. Kiểm tra phần bên phải của hồ sơ.
Đại diện cho hội TNC, trái phải và phần
Section 8.
Nguyễn Văn
Chu Văn Tiến

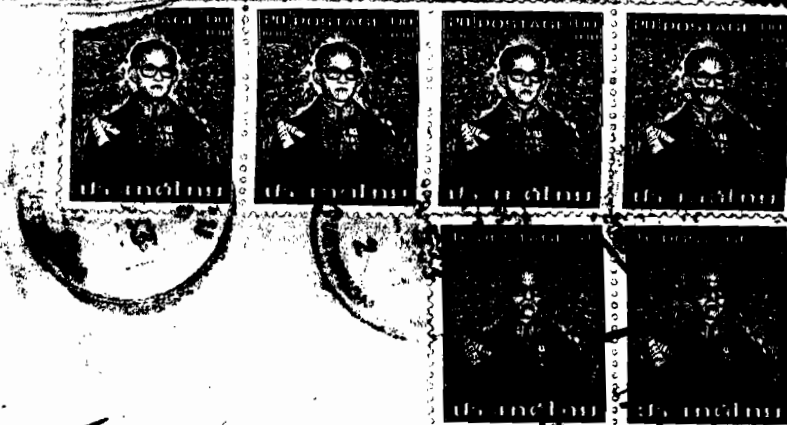
JUN 8 5 1990

TO. BÀ KHUẾ MINH THO.

P.O. BOX 5435, ARLINGTON,

VA. 22205 - 0635,

U.S.A



FROM: CHU VAN TIEN . PST . 922. H. 2D23 SECTION "S"
PHANAT NIKHOM P.O. BOX. 18 - CATHOLBURY 20140

THAILAND

REGISTERED

REGISTERED